

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
BAN QUẢN LÝ CÁC KCN
BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 47 /GPMT-BQL

Bình Dương, ngày 20 tháng 9 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

TRƯỞNG BAN BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 08/2023/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các KCN Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 428/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp giấy phép môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 02/CVMT/HCX ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Công ty TNHH Home Decor Cai Xing về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường;

Theo đề nghị của Phòng Quản lý Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Home Decor Cai Xing địa chỉ tại lô D2, đường D1, KCN Nam Tân Uyên mở rộng, phường Hội Nghĩa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Nhà máy sản xuất nhãn dẹt, logo bằng vải và satin 10 tấn/năm; vải fabric 5 tấn/năm; gia công dán mút xốp giả da, mút xốp vải lót 5 tấn/năm” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: “Nhà máy sản xuất nhãn dẹt, logo bằng vải và satin 10 tấn/năm; vải fabric 5 tấn/năm; gia công dán mút xốp giả da, mút xốp vải lót 5 tấn/năm”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô D2, đường D1, KCN Nam Tân Uyên mở rộng, phường Hội Nghĩa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. *XU*



1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702524560 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 12 năm 2016, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 17 tháng 3 năm 2022. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 5403634243 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương cấp chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 12 năm 2016, chứng nhận thay đổi lần 5 ngày 20 tháng 07 năm 2023.

1.4. Mã số thuế: 3702524560.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất nhãn dệt, logo bằng vải và satin, vải fabric; gia công dán mút xốp giả da, mút xốp vải lót.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10 tháng 01 năm 2022. Dự án thuộc nhóm B theo Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 (Dự án Công nghiệp có tổng mức đầu tư từ 60 tỷ đồng đến dưới 1000 tỷ đồng).

- Phạm vi: Dự án được triển khai tại lô D2, đường D1, KCN Nam Tân Uyên mở rộng, phường Hội Nghĩa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. với tổng diện tích địa điểm thực hiện dự án 10.037,2 m².

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Quy mô các hạng công trình của dự án:

+ Các hạng mục công trình chính: Khu văn phòng: 564 m²; Nhà xưởng 1: 2.380 m²; Nhà xưởng 2: 2.430 m².


+ Các hạng mục công trình phụ trợ và cây xanh: Kho: 50,50 m²; Nhà bảo vệ: 15 m²; nhà vệ sinh 1: 20,4 m²; nhà vệ sinh 2: 25,92 m²; Nhà bơm (bể PCCC): 96m²; Bãi đậu xe máy 1: 212 m²; Bãi đậu xe máy 2: 255,20 m²; Trạm điện: 29 m²; Đường giao thông nội bộ: 1.946,22 m²; Cây xanh: 2.007,44 m².

+ Các công trình bảo vệ môi trường: Khu vực chứa rác thải thông thường: 15m²; Khu vực chứa rác thải nguy hại: 15 m²; Bể PCCC: 96 m²; Hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Công suất: Nhãn dệt, logo bằng vải và satin 10 tấn/năm; Vải fabric (vải dệt không nhuộm) 5 tấn/năm; Mút xốp giả da, mút xốp vải lót 5 tấn/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này. 

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Home Decor Cai Xing:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Home Decor Cai Xing có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm**.

(từ ngày 20 tháng 9 năm 2023 đến ngày 19 tháng 9 năm 2033).

Điều 4. Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. / *XU*

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Home Decor Cai Xing;
- Sở TN&MT;
- UBND thành phố Tân Uyên;
- Cổng Thông tin điện tử BQL các KCN Bình Dương;
- TB, các PTB;
- Lưu: VT, MT (L) ✓



Nguyễn Trung Tín

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...~~47~~.../GPMT-BQL ngày 20.tháng.9.năm 2023 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Nam Tân Uyên mở rộng, không xả ra môi trường).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà vệ sinh với lưu lượng 4,5 m³/ngày.đêm qua bể tự hoại với tổng thể tích 8 m³ (04 bể) để xử lý sơ bộ. Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại được dẫn về hố ga cuối cùng thoát ra điểm đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của khu công nghiệp Nam Tân Uyên mở rộng.

- Vị trí xả nước thải: hố ga bên ngoài hàng rào nhà máy tại 01 vị trí trên đường D1, tọa độ: X= 1227901,23, Y= 611523,36 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45', múi chiếu 3°).

- Phương thức xả nước thải: Phương thức xả thải là theo chế độ tự chảy.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà vệ sinh → Bể tự hoại ba ngăn → Đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp Nam Tân Uyên mở rộng tại 01 điểm trên đường D1.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố:

Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát các thông số môi trường đạt tiêu



chuẩn cho phép mới được xả thải. Hàng ngày, tiến hành kiểm tra một số chỉ tiêu chính của nước thải tại đầu ra để theo dõi các hoạt động của hệ thống xử lý nước thải. Nếu có vấn đề phát sinh, có biện pháp kịp thời để điều chỉnh hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, vệ sinh các bể tự hoại, hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp Nam Tân Uyên mở rộng, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Nam Tân Uyên mở rộng để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

3.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư khu công nghiệp Nam Tân Uyên mở rộng và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.4. Thỏa thuận bằng văn bản với Chủ đầu tư khu công nghiệp Nam Tân Uyên mở rộng về việc đầu nối nước thải sau xử lý tại dự án vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Nam Tân Uyên mở rộng đảm bảo không vượt quá điều kiện tiếp nhận nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp.

3.5. Thực hiện đúng quy định tại Điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10 tháng 01 năm 2022. *XU*

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: ~~47~~./GPMT-BQL ngày ~~20~~.tháng.9..năm 2023 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01: Bụi phát sinh từ máy dệt logo 1;
- Nguồn số 02: Bụi phát sinh từ máy dệt logo 2;
- Nguồn số 03: Bụi phát sinh từ máy dệt kim (công đoạn dệt vải);
- Nguồn số 04: Khí thải phát sinh từ máy lăn keo, máy ép keo (công đoạn dán mút xốp);
- Nguồn số 05: Máy phát điện dự phòng.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**2.1. Vị trí xả khí thải:**

TT	Dòng khí thải	Vị trí xả thải	Tọa độ
1	Dòng khí thải số 01	Ống thải sau hệ thống thu gom, xử lý lọc bụi túi vải tại công đoạn dệt vải tại xưởng 2 (Nguồn thải số 01, 02, 03)	X = 1227932,75 Y = 611472,30
2	Dòng khí thải số 02	Ống thải sau hệ thống thu gom, xử lý hơi dung môi tại công đoạn dán ép mút xốp tại xưởng 1 (Nguồn thải số 04)	X = 1227910,69 Y = 611441,93
3	Dòng khí thải số 03	Ống thải của máy phát điện dự phòng (Nguồn thải số 05)	X = 1227857,23 Y = 611496,74

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

Vị trí xả khí thải của các hệ thống xử lý bụi, khí thải tại lô D2, đường D1, KCN Nam Tân Uyên mở rộng, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất $4.500 \text{ m}^3/\text{giờ}$.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất $3.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.
- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất $3.500 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01, 02: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thải, xả liên tục.

- Dòng khí thải số 03: Khí thải được xả ra môi trường qua ống thải, xả gián đoạn (chỉ xả khi sử dụng máy phát điện dự phòng).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B; Kp = 1; Kv = 1) và QCVN 20:2019/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	Dòng khí thải số 01			06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-		
2	Bụi	mg/Nm ³	200		
II	Dòng khí thải số 02				
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-		
2	Toluen	mg/Nm ³	750		
3	Styren	mg/Nm ³	100		
4	1,3-Butadien	mg/Nm ³	2.200		
III	Dòng khí thải số 03				
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-		
2	Bụi	mg/Nm ³	200		
3	CO	mg/Nm ³	1.000		
4	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	850		
5	SO ₂	mg/Nm ³	500		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải:

- Dòng thải số 01: Khí thải tại công đoạn dệt vải tại xưởng 2 sẽ được thu gom, xử lý sau đó thoát ra môi trường thông qua ống thải đường kính D = 400mm, H = 10m (Nguồn thải số 01, 02, 03).

- Dòng thải số 02: Khí thải tại công đoạn dán ép mút xốp tại xưởng 1 sẽ được thug om, xử lý sau đó thoát ra môi trường thông qua ống thải đường kính D = 400mm, H=15m (Nguồn thải số 04).

- Dòng thải số 03: Khí thải được xả ra môi trường qua ống khói, xả gián đoạn (chỉ xả khi sử dụng máy phát điện dự phòng), sau đó thoát qua ống thải đường kính $D = 100\text{mm}$, chiều cao 8m (Nguồn thải số 05).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.1. Hệ thống thu gom, xử lý từ công đoạn dệt và tại xưởng 2:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi vải \rightarrow Chụp hút \rightarrow Đường ống thu gom \rightarrow Quạt hút \rightarrow Hệ thống lọc bụi túi vải \rightarrow Ống thải \rightarrow Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: $4.500\text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Thông số kỹ thuật:

+ Hệ thống đường ống thu gom không khí: 01 hệ thống.

+ Kích thước hệ thống: $D \times R \times C = 1,5\text{m} \times 2,3\text{m} \times 3,8\text{m}$.

+ Số lượng túi vải: 4 túi (Kích thước: cao $1,5\text{m}$; đường kính 125mm).

+ Số lượng ống thải: 01 ống thải. Kích thước: $D = 400\text{mm}$, cao 10 m .

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.2. Hệ thống thu gom, xử lý tại công đoạn dán ép mút xốp tại xưởng 1:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Hơi dung môi \rightarrow Đường ống thu gom \rightarrow Quạt hút \rightarrow Tháp hấp thụ bằng than hoạt tính \rightarrow Ống thải \rightarrow Nguồn tiếp nhận.

- Số lượng hệ thống xử lý: 01 hệ thống.

- Công suất thiết kế: $3.000\text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Thông số kỹ thuật:

+ Tháp hấp thụ bằng than hoạt tính: Kích thước thiết bị: $D = 1.600\text{ mm}$; $H = 3.000\text{ mm}$.

+ Số lượng lớp than hoạt tính: 3 lớp than hoạt tính, kích thước mỗi lớp than rộng \times độ dày = $600\text{mm} \times 100\text{mm}$.

+ Số lượng ống thải: 01 ống thải. Kích thước: $D = 400\text{mm}$, cao 15 m .

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính (thay thế định kỳ 2 tháng/lần, mỗi lần thay 250kg than).

1.2.3. Hệ thống thu gom khí thải từ máy phát điện:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải \rightarrow Ống thải \rightarrow Thải ra môi trường tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: $3.500\text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Handwritten signature

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Khi hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố hoặc chất lượng khí thải không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2.2 phần A của Phụ lục này phải ngừng ngay việc xả khí thải ra môi trường để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

- Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống như:

+ Giám sát hệ thống xử lý bụi, khí thải thường xuyên để kịp thời phát hiện sự cố có thể xảy ra.

+ Trường hợp công trình, thiết bị xử lý khí thải gặp sự cố phải tạm dừng hoạt động để thay thế, sửa chữa hoặc các trường hợp sự cố kéo dài sẽ báo cáo người có thẩm quyền để giảm tải hoặc dừng hoạt động của các tổ máy để kiểm tra, khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và điểm b Khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống thu gom khí thải từ công đoạn dẹt và tại xưởng 2, công suất 4.500m³/giờ (dòng khí thải số 01).

- Hệ thống thu gom khí thải từ công đoạn dán ép mút xốp tại xưởng 1, công suất 3.000m³/giờ (dòng khí thải số 02).

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

TT	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ
1	Ống thải sau hệ thống thu gom khí thải từ công đoạn dẹt và tại xưởng 2 (dòng khí thải số 01)	X = 1227932,75; Y = 611472,30
2	Ống thải sau hệ thống thu gom khí thải từ công đoạn dán ép mút xốp tại xưởng 1 (dòng khí thải số 02)	X = 1227910,69 Y = 611441,93

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45', múi chiều 3°).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.2 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý bụi, khí thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2 Phần A Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.


3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

3.5. Trước khi kết thúc vận hành thử nghiệm 10 ngày, chủ dự án đầu tư phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương theo quy định.

3.6. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.7. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.8. Phải có biện pháp tăng cường kiểm soát, giảm thiểu mùi hôi trong quá trình sản xuất, xử lý nước thải và lưu giữ chất thải

3.9. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường. 

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 47/GPMT-BQL ngày 20 tháng 9 năm 2023
của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Khu vực dệt vải tại nhà xưởng 2.
- Nguồn số 02: Quạt hút của hệ thống thu gom, xử lý bụi vải tại nhà xưởng 2.
- Nguồn số 03: Quạt hút của hệ thống thu gom, xử lý khí thải tại công đoạn dán ép mút xốp tại nhà xưởng 1.
- Nguồn số 04: Máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 1227884,62 m, Y = 611421,48 m.
- Nguồn số 02: Tọa độ X = 1227898,19 m, Y = 611409,42 m.
- Nguồn số 03: Tọa độ X = 1227910,69 m; Y = 611441,93 m.
- Nguồn số 04: Tọa độ X = 1227857,23 m, Y = 611496,74 m.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45', múi chiều 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

Xu

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Tách riêng khu vực văn phòng và khu vực sản xuất; Chủ dự án đảm bảo toàn bộ máy móc, thiết bị sẽ được nâng cấp đạt yêu cầu về kỹ thuật trước khi đưa vào hoạt động sản xuất do đó sẽ hạn chế được phần nào khả năng gây ồn;

- Đảm bảo độ cân bằng của máy móc, thiết bị trong quá trình lắp đặt và vận hành;

- Kiểm tra độ mòn chi tiết và thường xuyên bôi trơn máy móc hoặc thay thế các thiết bị hư hỏng;

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su theo như thiết kế của các máy móc thiết bị để giảm rung, giảm ồn;

- Kiểm tra độ cân bằng của các máy móc, thiết bị và hiệu chỉnh nếu cần thiết;

- Bảo dưỡng các máy móc, thiết bị định kỳ;

- Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung cho công nhân;

- Đối với công nhân làm việc tại các công đoạn có độ ồn cao được trang bị đầy đủ nút bịt tai, bao ốp tai chống ồn;

- Bố trí thời gian lao động thích hợp tại các khâu gây ồn, hạn chế tối đa số lượng công nhân có mặt tại nơi có độ ồn cao;

- Có kế hoạch kiểm tra thường xuyên và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với thiết bị có công suất lớn, lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung. *XU*

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...47.../GPMT-BQL ngày...20...tháng...9...năm 2023
của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Mã CTNH
1	Thùng đựng keo dán bằng kim loại thải	16	18 01 02
2	Thùng đựng dầu nhớt, dầu bôi trơn bằng nhựa cứng thải	16	18 01 03
3	Giẻ lau dính dầu nhớt	50	18 02 01
4	Dầu nhớt thải	40	17 02 04
5	Keo dán thải	48	08 03 01
6	Than hoạt tính thải	3.600	12 01 04
TỔNG KHỐI LƯỢNG		3.770	-

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Da thành phẩm vụn, vải vụn, sợi vụn, chỉ vụn, nút xốp vụn	722
2	Bụi vải (bụi bông)	243
3	Bùn thải sinh hoạt	600
4	Bao bì carton, giấy thải	20
5	Nylon thải	32
TỔNG KHỐI LƯỢNG		1.617

Handwritten signature

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Rác thải sinh hoạt	18.070
TỔNG KHỐI LƯỢNG		18.070

1.4. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát:

Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 10 tháng 01 năm 2022.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Chất thải rắn nguy hại được chứa trong thùng nhựa PVC, có dán mã số phân loại, có nắp đậy thể tích 240 lít, số lượng thùng 6 thùng.

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích: 15 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH) có tường bao và mái che, nền được gia cố bằng bê tông để chống thấm, có rãnh và hố thu dầu và hóa chất phòng chống sự cố rò rỉ dầu và hóa chất ra môi trường bên ngoài. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn mã chất thải nguy hại, các thùng chứa chất lỏng như thùng phuy đựng nước lẫn dầu, thùng phuy chứa dầu thải được đặt vào các khay kín chống rò rỉ ra ngoài, có thùng phuy chứa cát khô và giẻ khô, có thiết bị bình phòng cháy chữa cháy, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom vào nhà chứa chất thải.

2.2.2. Khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích: 15 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Khu vực lưu chứa được dán nhãn Khu vực lưu chứa chất thải công nghiệp không nguy hại. Nền gia cố bằng bê tông gạch vữa chống thấm. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: 5 thùng loại 25 lít đặt tại khu văn phòng; 2 thùng

loại 120 lít đặt xung quanh khu vực các xưởng sản xuất, dọc các tuyến đường nội bộ. Hằng ngày chất thải rắn sinh hoạt được công nhân nhà máy thu gom đưa về khu vực tập kết chất thải sinh hoạt và giao cho đơn vị có chức năng thu gom.


2.3.2. Khu vực tập kết:

- Khu vực tập kết trước công ra vào thuận tiện cho việc vận chuyển, thu gom chất thải sinh hoạt hàng ngày của dự án.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022. 

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...~~47~~.../GPMT-BQL ngày...~~20~~...tháng...~~9~~...năm 2023 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương)

1. Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
2. Tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; an toàn lao động; phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.
3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.
5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
6. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy nổ, đối với cán bộ, công nhân viên làm việc của dự án.
7. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì vận hành hiệu quả và các chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.
8. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật.
9. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp giấy phép; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.
10. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật. / 